CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02.201026/QĐTN-HV	*Vĩnh Long, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ
THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- **Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;**
- **Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.**

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1300567433 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 07 tháng 08 năm 2025 do phòng Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể - Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long cấp;

Mã số thuế: 1300567433

Địa chỉ: Số nhà 148/1 đường Nguyễn Ngọc Nhựt, khu phố 8, phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại: 0913.054.086 Web: www.tnhhhungviet.com.vn

Email: Congtytnhhhungviet2009@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Kiểm định và Chứng nhận chất lượng công trình**

Địa chỉ : 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, P. Đông Hưng Thuận, Tp. Hồ Chí Minh

2. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm (Danh mục kèm theo công bố này).

3. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo công bố này).

4. Danh mục thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo công bố này).

Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hưng Việt cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố

Nơi nhận:
- Sở xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;
- Web: www.tnhhhungviet.com.vn;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
Giám đốc

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

Trịnh Quang Dũng

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19.10.4/QĐTCHC-HV/2026 *V/v: Thành lập trạm thí nghiệm hiện trường*	*Vĩnh Long, ngày 19 tháng 10 năm 2026*

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt;

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300567433 đăng ký lần đầu ngày 30/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 07/08/2025;

Căn cứ cơ cấu tổ chức và hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Trạm thí nghiệm hiện trường phục vụ Dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Bến Thành - Tham Lương thuộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt(có danh sách nhân sự và thiết bị kèm theo).

- **Địa điểm đặt trạm thí nghiệm**: 56/1/9 đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Trạm thí nghiệm hiện trường phục vụ dự án nêu trên có chức năng, nhiệm vụ theo chuyên môn dưới sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban, các đơn vị liên quan và Trạm thí nghiệm hiện trường thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu TC-HC.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

TRỊNH QUANG DŨNG

DANH MỤC THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo quyết định số 02.201026/QĐTN-HV ngày 20/10/2025 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

Stt	Họ và tên	Văn bằng, chứng chỉ có liên quan lĩnh vực thử nghiệm	Kinh nghiệm công tác *(năm)*	Công việc được giao
1	Hồ Ngọc Đảm	Kỹ sư CNKT xây dựng Quản lý phòng thí nghiệm Chứng chỉ TNV chuyên nghành xây dựng, Chứng chỉ TNV chuyên nghành giao thông Chứng chỉ TNV hiện trường KT toàn vẹn sức chịu tải của cọc Chứng nhận ISO/IEC 17025 : 2017	10	Phó Trưởng phòng thí nghiệm, Trưởng trạm thí nghiệm hiện trường
2	Nguyễn Thành Luân	Cao đẳng vật liệu xây dựng Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên nghành giao thông, Thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.	3	Thí nghiệm viên
3	Lê Hoàng Châu	Trung cấp điện tử công nghiệp Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên nghành giao thông,Thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.	2	Thí nghiệm viên
4	Nguyễn Dương Huyền Linh	Cao đẳng công nghệ thông tin Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên nghành giao thông	1	Thí nghiệm viên
5	Nguyễn Ngọc Quang	Chứng chỉ thí nghiệm chuyên nghành xây dựng	15	Công nhân kỹ thuật

DANH SÁCH MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo quyết định số 02.2201026/QĐTN-HV ngày 20/10/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

STT	Danh mục trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguồn	Ghi chú
I	**CƠ LÝ XI MĂNG**				
1	Sàng kích thước lỗ 0.045 mm	Cái	1		
2	Bình khối lượng riêng	Cái	1		
3	Thiết bị thử thấm Blain	Bộ	1		
4	Dụng cụ Vicat	Bộ	1		
5	Khuôn Lơ Satơlie .	Cái	3		
6	Khuôn 40 x 40 x 160 mm	Bộ	3		
7	Khuôn 50 x 50 x 50 mm	Bộ	3		
8	Bộ gá thử nén mẫu 40x40x160mm	Bộ	1		
9	Bộ gá thử uốn 40x40x160mm	Bộ	1		
10	Tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	Cái	1		
II	**CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**				
1	Bình tỷ trọng 500 ml	Cái	2		
2	Bình tỷ trọng 100 ml	Cái	4		
3	Bình dung tích 500 ml	Cái	1		
4	Bình dung tích 1000 ml	Cái	1		
5	Bình dung trọng 10 lít	Cái	2		
6	Bình dung trọng 1 lít	Cái	1		
7	Bình dung trọng 2 lít	Cái	1		
8	Phễu thử độ xốp cốt liệu nhỏ	Cái	1		
9	Phễu thử độ xốp cốt liệu lớn	Bộ	1		
10	Bình rửa có vòi cốt liệu nhỏ	Bộ	1		
11	Bình rửa có vòi cốt liệu lớn	Bộ	1		
12	Bảng màu chuẩn	Bảng	1		
13	Bộ khuôn nén dập trong xi lanh Φ 75 m	Bộ	1		
14	Bộ khuôn nén dập trong xi lanh Φ 150 mm	Bộ	1		
15	Máy mài mòn Los Angeles	Cái	1		
16	Dụng cụ xác định hàm lượng thoi dẹt	Bộ	1		
17	Bộ côn chày thử độ hấp thụ nước	Bộ	1		

18	Bình phản ứng kiềm silic	Bộ	1		
19	Máy kiểm tra hàm lượng ion Clorua	Bộ	1		
III	**CƠ LÝ BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG**				
1	Khuôn lập phương 15 x 15 x 15 cm	Cái	3		
2	Khuôn dầm 15 x 15 x 60 cm	Cái	3		
3	Bộ côn thử độ sụt	Bộ	1		
4	Máy nén bê tông 2000 KN	Cái	1		
5	Máy trộn bê tông	Cái	1		
6	Máy đo độ chống thấm của bê tông	Cái	1		
7	Bộ thí nghiệm mô đun đàn hồi mẫu trụ	Bộ	1		
8	Bộ thí nghiệm ép chẻ	Bộ	1		
9	Bộ thí nghiệm đo độ co ngót	Bộ	1		
V	**THÍ NGHIỆM KIM LOẠI**				
1	Máy kéo, nén, uốn vạn năng	Bộ	1		
2	Máy cắt mẫu thép	Cái	1		
VI	**THIẾT BỊ DÙNG CHUNG**				
1	Tủ xấy	Cái	1		
2	Lò nung	Cái	1		
3	Chén sứ chịu nhiệt đến 1500 oC	Cái	3		
4	Cân kỹ thuật loại điện tử 220 g (0,0001 g)		1		
5	Cân kỹ thuật loại điện tử 6000 g (0,1 g)	Cái	1		
6	Cân kỹ thuật loại điện tử 15 kg (1g)	Cái	1		
7	Cân kỹ thuật loại điện tử 30 kg (1g)	Cái	1		
8	Chảo trộn	Cái	1		
9	Bay trộn mẫu hình tròn Φ 100	Cái	1		
10	Ống đong thủy tinh 500 ml	Cái	1		
11	Ống đong thủy tinh 250 ml	Cái	1		
12	Ống đong thủy tinh 1000 ml	Cái	1		
13	Bộ sàng tiêu chuẩn đường kính D300 gồm các cỡ sàng: 0,14; 0,315; 0,63; 1,25; 2,5; 5; 10; 20; 40; 1,7; 1,18 ; 1; 0,075; 4,75 mm; …..	Bộ	1		
14	Đáy sàng + Nắp sàng	Bộ	1		
15	Bộ chia tư mẫu	Bộ	1		
16	Khay tôn 50 x 50 cm	Cái	5		

17	Khay nhôm 10 x 20 cm	Cái	3		
18	Khay nhôm 30 x 50 cm	Cái	3		
19	Bếp Ga	Cái	1		
20	Quạt hơi nóng (mấy sấy)	Cái	1		
21	Nhiệt kế điện tử	Cái	1		
22	Nhiệt kế thủy tinh -10oC -:- +300oC chia khoảng 1 oC	Cái	1		
23	Bàn chải sắt	Cái	1		
24	Thước kẹp 150 mm cơ	Cái	1		
25	Thước kẹp 200 mm điện tử	Cái	1		
26	Búa con	Cái	1		
27	Pipet thủy tinh 10 ml	Cái	3		
28	Xẻng xúc mẫu	Cái	1		
29	Khăn lau mẫu	Cái	1		
30	Đồng hồ bách phân kế	Cái	9		
31	Khuôn CBR	Cái	9		
32	Thước vuông 300 mm	Cái	1		

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigoncm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐO – KIỂM

Số/ *No* : SCM – 2487

Tên phương tiện đo : **TỦ TẠO MÔI TRƯỜNG/**
Object *CONSTANT TEMPERATURE HUMIDITY CURING CABINET*

Kiểu : HBY – 40 Số hiệu : 260915 Nơi sản xuất : Trung Quốc/
Type *Serial N.⁰* *Manufacturer* *China*

Đặc trưng kỹ thuật : * Phạm vi nhiệt độ/ *Range* : Đến/ *Up to* 50 °C
Technical Specification * Độ phân giải / *Resolution* : 0,1 °C
* Phạm vi độ ẩm/ *Range* : Đến/ *Up to* 99 % RH
* Độ phân giải/ *Resolution* : 1 % RH

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Customer 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
Place of calibration 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 08 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (26 ± 2) ⁰C; (60 ± 10) %RH

Chuẩn được sử dụng : Chuẩn nhiệt độ/ *Temperature Standard*
Standards used Nhiệt ẩm kế chuẩn điện tử/ *Digital Hygro – Thermometer*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 079

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2027; 09 / 2027

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem đo kiểm/ *Checked label* : SCM – 2487

Ngày đo kiểm / *Date of measure* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị đo kiểm tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The measure date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80 7/14 8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17147

Tên phương tiện đo : **ĐỒNG HỒ SO - THIẾT BỊ KIỂM TRA ĐỘ CO NGÓT/**
Object *DIAL INDICATOR OF SHRINKAGE TESTER*

Kiểu : BC156 – 300 *Type* | Số hiệu : 2524 *Serial N.⁰* | Nơi sản xuất : Trung Quốc/ *Manufacturer* *China*

Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*
Đồng hồ so : *Dial Indicator*
* Phạm vi đo / *Measuring range* : 12,7 mm
* Độ phân giải / *Resolution* : 0,001 mm
- Số hiệu/ *Serial N.⁰* : HL19995
- Tem hiệu chuẩn/ *Cal. label* : SCM – 17147

Khách hàng : *Customer*
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*
TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (55 ± 5) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 1462

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang/ *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17147

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigoncm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17146

Tên phương tiện đo : **ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*
Object

Kiểu : N/A Số hiệu : 216960 Nơi sản xuất : Trung Quốc/
Type *Serial N.⁰* *Manufacturer* *China*

Đặc trưng kỹ thuật : * Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm
Technical Specification * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Customer 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
Place of calibration 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : TB.42 – Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 1462

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17146

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG	**GIÁM ĐỐC**
Head of Measurement Lab.	*Director*
Tôn Nhất Vi	**Nguyễn Hà Minh Huy**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigoncm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17145

Tên phương tiện đo : **ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*
Object

Kiểu : N/A — Số hiệu : 127529 — Nơi sản xuất : Trung Quốc/ *China*
Type — *Serial N.º* — *Manufacturer*

Đặc trưng kỹ thuật : * Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm
Technical Specification * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Customer 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
Place of calibration 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 1462

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17145

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigoncm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17144

Tên phương tiện đo : *Object*	**ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*				
Kiểu : *Type*	N/A	Số hiệu : *Serial N.⁰*	13440	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm				
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long				
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh				

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 1462

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17144

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG *Head of Measurement Lab.*	**GIÁM ĐỐC** *Director*
Tôn Nhất Vi	**Nguyễn Hà Minh Huy**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonsem@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17143

Tên phương tiện đo : *Object*	**ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*				
Kiểu : *Type*	N/A	Số hiệu : *Serial N.⁰*	705157	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm				
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long				
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh				

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 1462

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17143

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG	**GIÁM ĐỐC**
Head of Measurement Lab.	*Director*
Tôn Nhất Vi	**Nguyễn Hà Minh Huy**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14 8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17142

Tên phương tiện đo : *Object*	**ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*				
Kiểu : *Type*	N/A	Số hiệu : *Serial N.º*	216969	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm				
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long				
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh				

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 1462

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17142

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 - Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17141

Tên phương tiện đo : **ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*
Object

Kiểu : N/A Số hiệu : 204202 Nơi sản xuất : Trung Quốc/
Type *Serial N.⁰* *Manufacturer* *China*

Đặc trưng kỹ thuật : * Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm
Technical Specification * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Customer 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
Place of calibration 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : $(23 \pm 2)\ ^0C$; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 1462

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17141

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80 7 14 8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonsem@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17140

Tên phương tiện đo : *Object*	**ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*				
Kiểu : *Type*	N/A	Số hiệu : *Serial N.⁰*	201719	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm				
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long				
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh				

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* :	QTHC/SCM 03 : 2017
Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* :	(23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH
Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :	Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*
Liên kết chuẩn/ *Traceability* :	VILAS 1462
Hiệu lực/ *Due date* :	10 / 2026
Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* :	Không / *No*
Kết quả/ *Results* :	Trang / *Page* : 2/2
Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* :	SCM – 17140
Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* :	19 / 10 / 2026
Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : *The calibration date should be recommended*	19 / 10 / 2027

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17139

Tên phương tiện đo : **ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*
Object

Kiểu : N/A — Số hiệu : 216952 — Nơi sản xuất : Trung Quốc/ *China*
Type — *Serial N.⁰* — *Manufacturer*

Đặc trưng kỹ thuật : * Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm
Technical Specification * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Customer 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
Place of calibration 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 1462

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2026

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17139

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (DK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonsem@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17138

Tên phương tiện đo : *Object*	**ĐỒNG HỒ SO/** *DIAL INDICATOR*				
Kiểu : *Type*	N/A	Số hiệu : *Serial N.⁰*	216953	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 10) mm * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,01 mm				
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long				
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh				

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* :	QTHC/SCM 03 : 2017
Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* :	(23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH
Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :	Thiết bị kiểm tra đồng hồ so/ *Dial Gage Tester*
Liên kết chuẩn/ *Traceability* :	VILAS 1462
Hiệu lực/ *Due date* :	10 / 2026
Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* :	Không / *No*
Kết quả/ *Results* :	Trang / *Page* : 2/2
Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* :	SCM – 17138
Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* :	19 / 10 / 2026
Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : *The calibration date should be recommended*	19 / 10 / 2027

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17137

Tên phương tiện đo : *Object*	**NHIỆT KẾ CHỈ THỊ HIỆN SỐ / *DIGITAL THERMOMETER***				
Kiểu : *Type*	TP 101	Số hiệu : *Serial N.⁰*	N/A	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*

Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*
* Phạm vi nhiệt độ/ *Range* : (-50 ÷ 300) ^{0}C
* Độ phân giải/ *Resolution* : 0,1 ^{0}C

Khách hàng : *Customer*
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*
TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 03 : 2025

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng : *Standards used*
Lò hiệu chuẩn nhiệt độ/ *Temperature calibration bath*
Nhiệt kế chuẩn hiện số/ *Digital Thermometer standard*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 079

Hiệu lực/ *Due date* : 07 / 2027

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17137

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : *The calibration date should be recommended* 19 / 10 / 2027

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG *Head of Measurement Lab.*	**GIÁM ĐỐC** *Director*
Tôn Nhất Vi	**Nguyễn Hà Minh Huy**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 Email : saigonscm@gmail.com Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17136

Tên phương tiện đo : **HỆ THỐNG ĐO THÔNG SỐ NHIỆT ĐỘ - LÒ NUNG**
Object *TEMPERATURE MEASUREMENT SYSTEM OF FURNACE*

Kiểu : $SX_2 - 4 - 10A$ Số hiệu : 240331 Nơi sản xuất : Trung Quốc/
Type *Serial N.⁰* *Manufacturer* *China*

Đặc trưng kỹ thuật : * Nhiệt độ lớn nhất / *Max. temperature* : 1 000 °C
Technical Specification * Độ phân giải/ *Resolution* : 1 °C

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Customer 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
Place of calibration 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 09 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ⁰C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Chuẩn nhiệt độ/ *Temperature Standard*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 036

Hiệu lực/ *Due date* : 04 / 2027

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17136

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17135

Tên phương tiện đo : *Object*	**HỆ THỐNG ĐO THÔNG SỐ NHIỆT ĐỘ - TỦ NHIỆT** *TEMPERATURE MEASUREMENT SYSSTEM OF DRY OVEN*
Kiểu : *Type*	101 – 2
Số hiệu : *Serial N.⁰*	834
Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Phạm vi nhiệt độ/ *Range* : Nhiệt độ môi trường/ *Ambient* đến/*to* 300 °C * Giá trị độ chia/ *Division* : 10 °C
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 08 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (26 ± 2) °C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Chuẩn nhiệt độ / *Temperature Standard*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 079

Hiệu lực/ *Due date* : 10 / 2027

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17135

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số/ *No* : SCM – 17134

Tên phương tiện đo : *Object*	**MÁY MÀI MÒN LOS ANGELES/** *LOS ANGELES ABRASION MACHINE*
Kiểu : *Type* N/A	Số hiệu : *Serial N.⁰* N/A — Nơi sản xuất : *Manufacturer* Việt Nam
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Tốc độ quay *Rotational speed* : (30 ÷ 33) rpm
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh
Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* :	QTHC/SCM 23 : 2017
Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* :	(23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) %RH
Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :	Thước cặp điện tử/ *Digimatic Caliper* Máy đo số tốc độ/ *Tacho meter* Cân đĩa/ *Bench Weight Scales*
Liên kết chuẩn/ *Traceability* :	VILAS 079; ĐK 343
Hiệu lực/ *Due date* :	09 / 2027; 10 / 2027
Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* :	Không / *No*
Kết quả/ *Results* :	Trang / *Page* : 2/2
Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* :	SCM – 17134
Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* :	19 / 10 / 2026
Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : *The calibration date should be recommended*	19 / 10 / 2027

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigoncm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17133

Tên phương tiện đo : *Object*	**DỤNG CỤ VIKA/** *VICAT*				
Kiểu : *Type*	N/A	Số hiệu : *Serial N.⁰*	N/A	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 70) mm * Giá trị vạch chia/ *Division* : 1 mm				
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long				
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh				

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 14 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (25 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Chuẩn độ dài / *Length standard*

Tấm kiếng phẳng / *Flat glass*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : ANAB; VILAS 036

Hiệu lực/ *Due date* : 01 / 2027; 04 / 2027

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17133

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (BK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17132

Tên phương tiện đo : *Object*	**MÁY TRỘN VỮA XI MĂNG/** *CEMENT MORTAR MIXER*				
Kiểu : *Type*	JJ – 5	Số hiệu : *Serial N.⁰*	5743	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*

Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification* — * Theo tiêu chuẩn/ *Standard* : ASTM C505; AASHTO T162

Khách hàng : *Customer* — **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration* — **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 23 : 2017

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (26 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) %RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Thước cặp điện tử / *Digamic Caliper*

Máy đo tốc độ vòng quay/ *Tachometer*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 079

Hiệu lực/ *Due date* : 09 / 2027

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17132

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : *The calibration date should be recommended* : 19 / 10 / 2027

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG *Head of Measurement Lab.*	**GIÁM ĐỐC** *Director*
Tôn Nhất Vi	**Nguyễn Hà Minh Huy**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80 7 14 8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17131

Tên thiết bị : *Object*	**MÁY DẦN VỮA XI MĂNG/** *CEMENT MORTAR JOLTING MACHINE*				
Kiểu : *Type*	ZS – 15	Số hiệu : *Serial N.⁰*	N/A	Nơi sản xuất : *Manufacturer*	Trung Quốc/ *China*

Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification* * Tốc độ/ *Speed* : 60 rpm

Khách hàng : *Customer* **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration* **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : QTHC/SCM 23 : 2017

Nhiệt độ môi trường/ *Environmental Temperature* : (26 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Máy đo số vòng quay/ *Tacho meter*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : VILAS 079

Hiệu lực/ *Due date* : 09 / 2027

Hiệu chỉnh thiết bị/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / Page : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17131

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG *Head of Measurement Lab.*	**GIÁM ĐỐC** *Director*
Tôn Nhất Vi	**Nguyễn Hà Minh Huy**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Số/ *No* : 00513

Tên phương tiện đo : **CÂN ĐĨA/**
Object *BENCH WEIGHT SCALES*

Kiểu : ALC – 6A
Type

Số hiệu : 588223461
Serial N.º

Nơi sản xuất : Nhật Bản/
Manufacturer *Japan*

Năm : N/A
Year

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ *Specification*
* Mức cân lớn nhất / *Max. capacity* : 6000 g
* Giá trị độ chia / *Division* : 0,1 g
* Mức cân nhỏ nhất / *Min. capacity* : 20 g
* Cấp chính xác / *Acuracy class* : III

Nơi sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Place **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
User 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Phương pháp kiểm định/ *Method of Verification* : ĐLVN 15 : 2009
Cân đĩa – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Chuẩn khối lượng F1; M1
Mass standards; class F1; M1

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00513

Kết quả/ *Results* : Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị : 19 / 10 / 2027
Verification recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

Không được sao chép nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Sài Gòn/*This certificate shall not be reproduced, without written approval of SAIGONCM . JSC*

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80 7 14 8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonsem@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17129

Tên phương tiện đo : **THƯỚC CẶP ĐIỆN TỬ /**
Object *DIGITAL CALIPER*

Kiểu : 1108 – 200 Số hiệu : 0606265 Nơi sản xuất : INSIZE
Type *Serial N.⁰* *Manufacturer*

Đặc trưng kỹ thuật : * Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 200) mm
Technical Specification * Độ phân giải/ *Resolution* : 0,01 mm

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Customer 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Nơi hiệu chuẩn : **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
Place of calibration 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* : ĐLVN 119 : 2003

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Chuẩn độ dài / *Length standard*

Liên kết chuẩn/ *Traceability* : ANAB

Hiệu lực/ *Due date* : 01 / 2027

Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Không / *No*

Kết quả/ *Results* : Trang / *Page* : 2/2

Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : SCM – 17129

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 19 / 10 / 2026

Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : 19 / 10 / 2027
The calibration date should be recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigoncm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

Số/ *No* : SCM – 17130

Tên phương tiện đo : *Object*	**THƯỚC CẶP** / *VERNIER CALIPER*			
Kiểu : *Type*	NG	Số hiệu : *Serial N.⁰*	11000012	Nơi sản xuất : Trung Quốc/ *Manufacturer* *China*
Đặc trưng kỹ thuật : *Technical Specification*	* Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 200) mm * Giá trị vạch chia/ *Division* : 0,02 mm			
Khách hàng : *Customer*	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT** 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long			
Nơi hiệu chuẩn : *Place of calibration*	**TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG** 56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh			

Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of Calibration* :	ĐLVN 119 : 2003
Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* :	(23 ± 2) ^{0}C; (60 ± 10) % RH
Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :	Chuẩn độ dài/ *Length standard*
Liên kết chuẩn/ *Traceability* :	ANAB
Hiệu lực/ *Due date* :	01 / 2027
Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* :	Không / *No*
Kết quả/ *Results* :	Trang / *Page* : 2/2
Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* :	SCM – 17130
Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* :	19 / 10 / 2026
Ngày đề nghị hiệu chuẩn tiếp theo : *The calibration date should be recommended*	19 / 10 / 2027

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonsem@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Số/ *No* : 00517

Tên phương tiện đo : **CÂN ĐĨA/**
Object *BENCH WEIGHT SCALES*

Kiểu : BC 30 Số hiệu : 8025150186
Type *Serial N.º*

Nơi sản xuất : OHAUS Năm : N/A
Manufacturer *Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ *Specification*
* Mức cân lớn nhất / *Max. capacity* : 30 kg
* Mức cân nhỏ nhất / *Min. capacity* : 100 g
* Giá trị độ chia / *Division* : 1 g
* Cấp chính xác / *Acuracy class* : III

Nơi sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Place **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
User 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Phương pháp kiểm định/ *Method of Verification* : ĐLVN 15 : 2009
Cân đĩa – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Chuẩn khối lượng F1; M1
Mass standards; class F1; M1

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00517

Kết quả/ *Results* : Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị : 19 / 10 / 2026
Verification recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

Không được sao chép nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Sài Gòn/*This certificate shall not be reproduced, without written approval of SAIGONCM . JSC*

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonsem@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Số/ *No* : 00516

Tên phương tiện đo : **CÂN ĐĨA/**
Object *BENCH WEIGHT SCALES*

Kiểu : N/A
Type

Số hiệu : N/A
Serial N.º

Nơi sản xuất : Nhật Bản/
Manufacturer *Japan*

Năm : N/A
Year

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ *Specification*
* Mức cân lớn nhất / *Max. capacity* : 30 kg
* Mức cân nhỏ nhất / *Min. capacity* : 100 g
* Giá trị độ chia / *Division* : 1 g
* Cấp chính xác / *Acuracy class* : III

Nơi sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Place **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
User 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Phương pháp kiểm định/ *Method of Verification* : ĐLVN 15 : 2009
Cân đĩa – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Chuẩn khối lượng F1; M1
Mass standards; class F1; M1

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00516

Kết quả/ *Results* : Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị : 19 / 10 / 2026
Verification recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

Không được sao chép nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Sài Gòn/*This certificate shall not be reproduced, without written approval of SAIGONCM. JSC*

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80 7 14 8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigoncm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Số/ *No* : 00515

Tên phương tiện đo : **PHƯƠNG TIỆN THỬ ĐỘ BỀN NÉN/**
Object *COMPRESSION TESTING INSTRUMENTS*

Kiểu : TYA – 2000 Số hiệu : 2304741
Type *Serial N.º*

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ Năm : 2023
Manufacturer *China* *Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường : * Phạm vi đo/ *Range* : (0 ÷ 2 000) kN
Specification * Độ phân giải/ *Resolution* : 0,01 kN; 0,1 kN

Nơi sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Place **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
User 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Phương pháp kiểm định: ĐLVN 336 : 2020
Method of Verification Phương tiện thử độ bền kéo nén – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : TB.32 – Chuẩn lực / *Force standard*

TB.33 – Chuẩn lực / *Force standard*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00515

Kết quả/ *Results* : Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị : 19 / 10 / 2027
Verification recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

Không được sao chép nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Sài Gòn/*This certificate shall not be reproduced, without written approval of SAIGONCM . JSC*

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigoncm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số/ *No* : 00514

Tên phương tiện đo : **PHƯƠNG TIỆN THỬ ĐỘ BỀN KÉO, NÉN/**
Object *TENSILE - COMPRESSION TESTING INSTRUMENTS*

Kiểu : WA – 1000B — Số hiệu : 2310563
Type — *Serial N.º*

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ *China* — Năm : 2023
Manufacturer — *Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường : * Phạm vi đo/ *Range* : (0 ÷ 1 000) kN
Specification * Độ phân giải/ *Resolution* : 0,01 kN

Nơi sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Place **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
User 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Phương pháp kiểm định: ĐLVN 336 : 2020
Method of Verification Phương tiện thử độ bền kéo nén – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : TB.32 – Chuẩn lực / *Force standard*

TB.33 – Chuẩn lực / *Force standard*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00514

Kết quả/ *Results* : Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị : 19 / 10 / 2027
Verification recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

Không được sao chép nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Sài Gòn/*This certificate shall not be reproduced, without written approval of SAIGONCM . JSC*

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)
SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : 80 7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Số/ *No* : 00512

Tên phương tiện đo : **CÂN PHÂN TÍCH/**
Object *ANALYTICAL BALANCE*

Kiểu : FA2204 Số hiệu : 6305989
Type *Serial N.⁰*

Nơi sản xuất : N/A Năm : N/A
Manufacturer *Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ *Specification*
* Mức cân lớn nhất / *Max. capacity* : 220 g * Giá trị độ chia / *Division* : 0,0001 g
* Mức cân nhỏ nhất / *Min. capacity* : 0,1 g * Cấp chính xác / *Acuracy class* : I

Nơi sử dụng : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
Place **TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**
56/1/9 Đường Tân Thới Nhất 8, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT**
User 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu Phố 8, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

Phương pháp kiểm định: ĐLVN 16 : 2021
Method of Verification Cân phân tích và cân kỹ thuật – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : Chuẩn khối lượng E2/ *Mass standards; class E2*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00512

Kết quả/ *Results* : Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị : 19 / 10 / 2027
Verification recommended

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2026
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Measurement Lab.

Tôn Nhất Vi

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Hà Minh Huy

Không được sao chép nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Sài Gòn/*This certificate shall not be reproduced, without written approval of SAIGONCM . JSC*

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(Kèm theo quyết định số 02.201026/QĐTN-HV ngày 20/10/2026 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt)

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
1	**THÍ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONITE**	
	Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ dày áo của sét; Lực cắt tĩnh; Tính ổn định; Độ pH	TCVN 11893:2017; ASTM D4380-20;ASTM D6910; ASTM D4381; ASTM D5891; ASTM D4972; API RP 13A, API RP 13B BS EN 1536 : 2010 ; BS EN 1538 : 2010
2	**THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
2.1	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006, AASHTO T2
2.2	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006;. TCVN 9205:2012; TCVN 14135-4,5:2024; ASTM C136/136M-14; AASTHO T11-05; T27-18; T37-16;EN 933.1; JIS A1102.
2.3	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
2.4	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127/C128-15; AASTHO T84-04; T85-14; EN 1097-6,7;JIS A1109:20; A1110; A1111
2.5	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127-15; AASTHO T85-14; EN 1097.6,7
2.6	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006; TCVN 10322:2014; ASTM C29/C29M-17a; AASTHO T19/T19M-18; EN 1097.3,4:98; JIS A1104
2.7	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006; TCVN 10321:2014; ASTM C70-20;ASTM C566-13; AASTHO T255-16; EN 1097.5; JIS A 1125
2.8	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 2006; TCVN 9205-8:2012; ASTM C87-05; ASTM C117-17; ASTM C142/C142M-17; AASTHO T11-05; T112-00; T171;EN 933.1:12, JIS A1103:03,JIS A1137:05
2.9	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006; ASTM C40/C40M-16, AASTHO T21-05; JIS A 1105:07;JIS A 1142:07

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
2.10	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C170:06;ASTM D2938:02; BS 812: Part 810, Part 811
2.11	Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:2006; ASTM C170/C170M-17;BS 812, JIS M0302:00
2.12	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572- 12:2006;22 TCN 318-04;ASTM C131/C131M-14; ASTM C535-16, AASHTO T96-06;AASHTO T327-09, JIS A1121:07, EN 1092-2:97
2.13	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:2006; ASTM C170/C170M-17;BS 812, JIS M0302:00
2.14	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; EN 1744-5:2006
2.15	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572-16:2006
2.16	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006; AASTHO T112-00, AASTHO T113:15, JIS A 1126:89
2.17	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006, ASTM D821
2.18	Xác định hàm lượng silic oxít vô định hình	TCVN 7572-19:2006
2.19	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
2.20	Xác định chỉ số methylen xanh; độ ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng dung dịch Na_2SO_4 hoặc $MgSO_4$	TCVN 7572-21-22:2018
2.21	Thí nghiệm ăn mòn sun phát	ASTM C88/C88M, AASHTO T104:99, EN 1367-2; JIS A1122:05
2.22	Xác định hệ số (ES)	TCVN 14134-5:2024; ASTM D2419; AASTHO T176, EN 933
2.23	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn, cốt liệu thô	22 TCN 356:2006; AASHTO T304-17; AASHTO T326
3	**THÍ NGHIỆM XI MĂNG**	
3.1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C184-94; ASTM C188-17; ASTM C204-18;ASTM C786-10; AASHTO T128, T133, T153, T192, JIS R 5201-97; BS EN 196-6.
3.2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 4031:1985 ; TCVN 8875:2012; TCVN 9488:2012; ASTM C187-23; C191-21; C266-21;

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		AASHTO T129-23, T131-23
3.3	Xác định độ bền nén, uốn.	TCVN 6016:2011; TCVN 9488:2012; TCVN 4032:1985; ISO 679; ASTM C109/C109M; ASTM C348-14; ASTMC349-14; AASHTO T106; EN 196-1:05, JIS R 5201-97
3.4	Xác định độ giãn nở Autoclave	TCVN 8877:2011; ASTM C151M-23.
4	**BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG**	
4.1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C23; ASTM C42-90;AASHTO T31
4.2	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M; AASHTO T119; EN 12350-2, EN 206-1, JIS A1101:2005
4.3	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993, ASTM C138, AASHTO T121, EN 12350-6, JIS A1116:2019
4.4	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109:2022, ASTM C232, AASHTO T158, EN 480-4, 12350-4, JIS A1123:2022
4.5	Xác định độ chống thấm nước bê tông	TCVN 3116:2022; EN 12390-8
4.6	Xác định hàm lượng bọt khí hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:2022;ASTM C173; ASTM C231;ASTM C233; AASHTO T152;EN 12350-7;JIS A1128:2019
4.7	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:2022; ASTM C642; EN 12390-7
4.8	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022, ASTM C138, ASTM C642, AASHTO T121, EN 12390-7
4.9	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022, ASTM C157, AASHTO T160, JIS A1129; EN 1992-1-1
4.10	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022;ASTM C39; ASTM C42; ASTM C1231; AASHTO T22, T24, T140;EN 12390-3, 12504-1, JIS A1107, A1108, AS 1012.9; A1136
4.11	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022;ASTM C78;ASTM C293;AASHTO T97, T117;EN 12390-5, JIS A1106, A1114
4.12	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022; TCVN 8862:2011; ASTM C496; AASHTO T198;EN 12390-6, JIS A 1113
4.13	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469-04; JIS A1127, A1149

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
4.14	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403; ASTM C1117, AASHTO T197
4.15	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012, ASTM C1064, AASHTO
5	**THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**	
5.1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022; EN 1015-1
5.2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022; ASTM C230;ASTM C1437; EN 1015-3, 4, 13395
5.3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022; EN 445, EN 1015-6
5.4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2022
5.5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9: 2022
5.6	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022; EN 1015-6
5.7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109, ASTM C348; ASTM C349; ASTM C942
6	**THÍ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ SẢN PHẨM KIM LOẠI**	
6.1	Thử kéo	TCVN 197:2014; TCVN 6288:1997; TCVN 7937:13; TCVN 9392:12; ASTM A 370, A615, A1061M, B557, E8, E111, E328; AASHTO T68, T244, ISO 6892-1, 15630-1,2,3, JIS Z2241, G3112, EN 10002-1, GB/T 228, AS 1391, KS B0802, ACI 318, JGJ 18, 107 163, BS 4449
6.2	Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 6288:1997; TCVN 7937:13, ISO 7438, ASTM A 370, A615, E290, AASHTO T244, ISO 7438, JIS Z2248, GB/T 232, AS 2505, KS B0804
6.3	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM AWS D1.1, A 370, E190; ISO 5173:09; JIS Z3122; EN 12814
6.4	Ống kim loai: Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; TCVN 9245: 2012; TCVN 7508: 2005 ASTM A A53; ASTM A 370; A500, A501, ISO 8492, 9016, JIS A5525, A5530, Z 2241, G3444, G3452, 3459, BS 1387

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
6.5	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 314:2008; TCVN 5403:91; TCVN 8310:10, TCVN 8311:10, ASTM A 370, AWSD1.1; ASME BPVC-9, API 1104, JIS Z2241, Z3040, Z3121, A5525, A5530, EN 12814
6.6	Xác định độ cứng kim loại - Phương pháp Brinel	TCVN 256:2006, ASTM E10, A370; AASHTO T70, ISO 6501-1, 6506, JIS Z2243
6.7	Xác định độ cứng kim loại- Phương pháp Rocven	TCVN 257:2007; ASTM E18, A370; AASHTO T80, ISO 6508-1; JIS Z2245
6.8	Xác định độ cứng kim loại- Phương pháp Vicker	TCVN 258:2007; ASTM E92, E384, A370, ISO 6507-1, JIS Z2244
6.9	Dây kim loại: Phương pháp thử kéo, Thử uốn, Thử uốn gập hai chiều, thử xoắn đơn, kéo căng	TCVN 1824:1993, TCVN 1825:2008; TCVN 1826:2006; TCVN 1827:2006; ASTM A 370, A931; ISO 6892, 7800, 7801
6.10	Thí nghiệm kéo bu lông - Đai ốc	TCVN 1916:1995, ASTM A 370, F606, E8, ISO 898-1,2, 6892; JIS B1051,B1186, Z2241, NASM 1312-13,20
6.11	Cốt thép- Phương pháp uốn và uốn lại; Thử kéo;	TCVN 6287:1997; ISO 15630-1,2,3; ASTM A 370; A1061
6.12	Thử va đập	TCVN 312:2007; TCVN 5402:2010; ASTM AWS D1.1, E23; AASHTO T266, ISO 148-1, 9016, EN 10045, 12814, JIS Z2242; ASTM A370
6.13	Cáp thép thông dụng: thử kéo	TCVN 6368:1998
6.14	Thử cáp ứng lực: Kiểm tra độ tụt nêm neo	22TCN 267:2000
6.15	Lò xo, vòng đệm: Xác định hình dạng, kích thước, Độ cứng, độ dai, tính đàn hồi, chiều dày lớp mạ phủ	TCVN 130:77: 2008; ASTM F436/F436M-19
6.16	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009, ISO 15835:2018
6.17	Thành phần hóa học	JIS G0320; ASTM E1251; ASTM E1086, E415
7	**LỚP PHỦ BỀ MẶT KIM LOẠI, PHI KIM**	
7.1	Đo chiều dày lớp phủ bằng phương pháp khối lượng	TCVN 4392:1986; TCVN 5408:2007; ASTM A 90-09; TCVN 7665:2007; (ISO 1460:1992); ASTM E 376-03
7.2	Đo chiều dày lớp phủ bằng phương pháp từ	TCVN 4392:1986; ASTM A 76:06; ASTM A376; A123; ASTM B244;

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
		ASTM D6132-17; ISO 1461:1999, 2178:08 TCVN 5878:2007
8	**THÍ NGHIỆM PHỤ GIA BÊ TÔNG**	
8.1	Xác định độ pH	TCVN 8826:2011; TCVN 9339:2012; ASTM C494/M, C1017; AASHTO M194; JIS A6204, EN 480
8.2	Xác định: tỷ trọng, hàm lượng chất khô; Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiệu khả năng giảm nước , ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp và cường độ bê tông; Kiểm tra ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở của bê tông	
8.3	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 8825:2011; TCVN 8827:2011; ASTM C311, C1240, JIS A6201; EN 14277-4
8.4	Xác định chỉ số hoạt tính của phụ gia	TCVN 4315:2007; TCVN 8825:2011; TCVN 8827:2011; TCVN 11586:2016; ASTM C311, C1240; JIS A6201, EN 14277-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

XÁC NHẬN

Công ty cổ phần đầu tư khoa học công nghệ vật liệu và kiểm định xác nhận đã hoàn thành công tác tư vấn xây dựng, vận hành Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO/IEC 17025

Cho

PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH LAS-XD 1049

Thuộc

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

Địa chỉ: Số 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, Khu phố 1, Phường 4, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 42, Đường Hoàng Sĩ Khải, Phường 14, Quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bản xác nhận này được sử dụng như một bằng chứng để chứng minh **Phòng thí nghiệm LAS-XD1049** đã xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017.

Ngày:06/02/2023
Số:62/2023LASXD1049

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hân

Không được trích sao một phần ISO/IEC 17025:2017 này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

Số: 01/HĐLĐ-HV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 03 năm 2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **TRỊNH QUANG DŨNG** Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Giám đốc công ty
Đại diện: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt Điện thoại: 075.3603839
Địa chỉ: 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, khu phố 8, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long
Và một bên là Ông/Bà: **Hồ Ngọc Đảm** Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày *20* tháng *11* năm *1992* tại Tây Ninh
Nghề nghiệp: ***Kỹ sư CNKT Xây Dựng***
Địa chỉ thường trú: Xã Tuyên Bình , tỉnh Tây Ninh
Số CMTND: ***080092013459*** cấp ngày ***22/06/2022*** tại ***CỤC CSQLHC vềTTXH***
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng không xác định thời hạn
- Từ ngày 12 tháng 03 năm 2019
- Địa điểm làm việc: Phòng thí nghiệm, Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt.
- Chức danh chuyên môn: ***Kỹ sư CNKT Xây Dựng*** Chức vụ:
- Công việc phải làm:

+ Trực tiếp làm các thí nghiệm VLXD dưới sự quản lý điều hành của lãnh đạo công ty và Trưởng đơn vị phụ trách trực tiếp.

+ Phối hợp với các bộ phận khác trong công ty để phát huy hiệu quả công việc.

+ Những công việc khác theo yêu cầu của Công ty và theo lệnh của Giám đốc công ty, Trưởng các đơn vị phụ trách trực tiếp.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần hoặc theo thời gian làm việc của dự án, công trình.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc: Cần thiết theo yêu cầu của công việc
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định Bộ Luật Lao động năm 2012.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Cá nhân tự lo

+ Với những công trình, dự án ở xa Công ty sẽ bố trí phương tiện theo điều kiện cụ thể.

- Mức lương chính hoặc tiền công: Theo quy chế lương hiện hành và thu nhập hàng tháng được trả theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý của Công ty.
- Tiền thưởng: Theo quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty (áp dụng theo năm)
- Chế độ nâng lương: Theo quy chế bậc lương của Công ty
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:Quần, áo, giầy, mũ …
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, lễ tết...): Theo quy định của Luật lao động.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo chế độ của Công ty

- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp NV được cử đi đào tạo thì NV phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương; các quyền lợi khác như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Toàn bộ những việc phát sinh không được nêu trong hợp đồng phải được sự đồng ý của hai bên.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Trích nộp những khoản thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước;
- Tuyệt đối không sử dụng khách hàng của công ty để trục lợi cá nhân;
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc ...)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng.
- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này nếu phát sinh thì áp dụng theo qui định của Luật Lao động.
- Hợp đồng lao động gồm 2 trang, được làm thành 03 bản có giá trị ngang nhau, người lao động giữ 01 bản, Công ty giữ 02 bản và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 03 năm 2019.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GIÁM ĐỐC
Hồ Ngọc Phương	Trịnh Quang Dũng

HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VỀ
TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM

VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM

VACI

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

GIẤY CHỨNG NHẬN

Ông: Hồ Ngọc Đảm
Sinh ngày: 20/11/1992

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo

Nhận thức chung về hệ thống quản lý Phòng thí nghiệm theo yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017

Ngày 07 tháng 03 năm 2023 tại Hà Nội

Số: 191-1/2023/ĐT/VACI

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM

TS. Hoàng Hữu Thám

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

LONG AN UNIVERSITY OF ECONOMY AND INDUSTRY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL ENGINEERING TECHNOLOGY

Upon: **Mr HO NGOC DAM**

Date of birth: **20 November 1992**

Year of graduation: **2016**

Degree classification: **Average good**

Mode of study: **Full-time**

Longan, 27 June 2016

Reg. No: **237-10DH-D**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN

cấp

BẰNG KỸ SƯ

CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Cho: **Ông HỒ NGỌC ĐẠM**

Ngày sinh: **20/11/1992**

Năm tốt nghiệp: **2016**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Long An, ngày 27 tháng 6 năm 2016

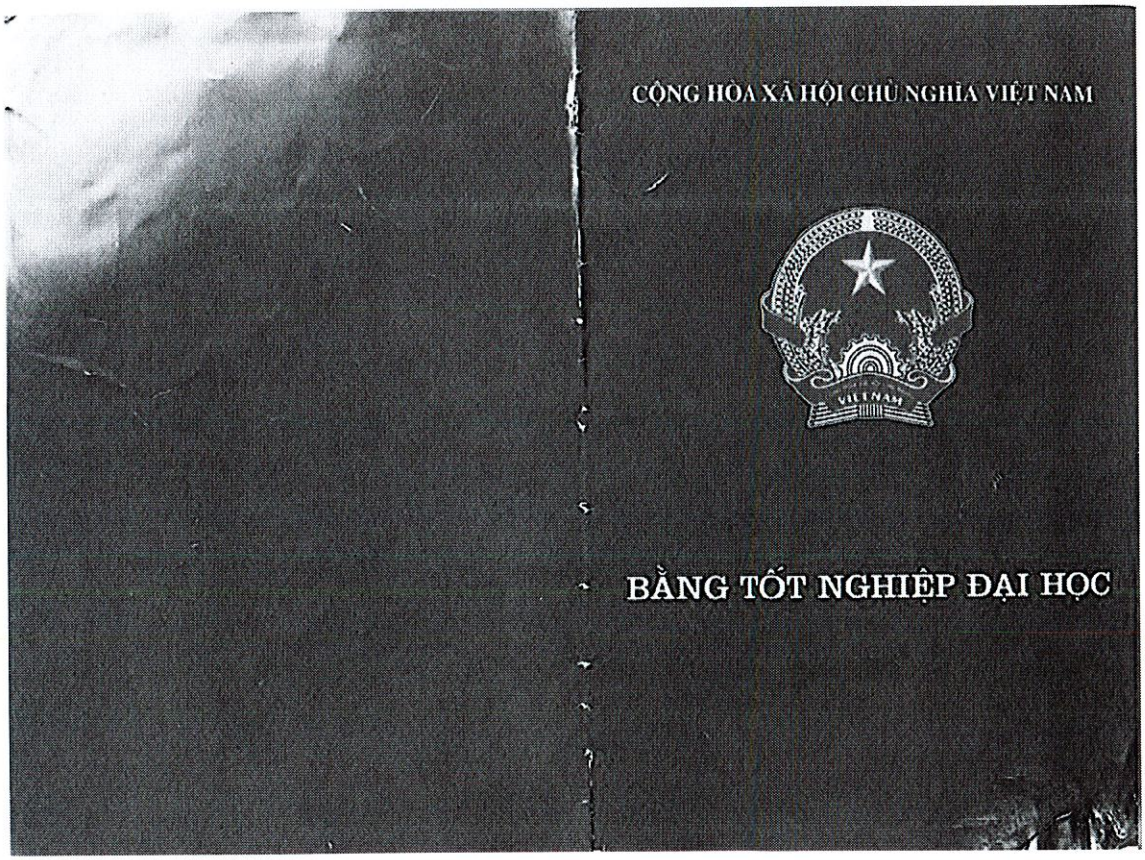
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN

Số hiệu: 365572

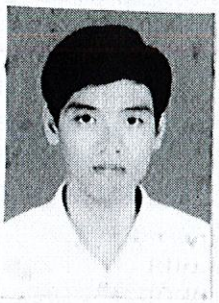
TS. Lê Đình Viễn

Số vào sổ cấp bằng: **237-10ĐH-D**



M.S.D.N: 1300587433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **HO NGOC DAM**

Has successfully passed the Training Course on

Management of Construction Laboratory

Ref. N°: 16023/2020/VKH -THXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **HỒ NGỌC ĐẢM**

Ngày sinh: **20/11/1992** - Quê quán: **Long An**

Cơ quan: **Công ty Cổ phần Tư vấn và Ứng dụng Công nghệ Xây dựng Phía Nam**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng:

Quản lý Phòng Thí nghiệm

Thời gian tổ chức: Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 10/7/2020

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2020

VIỆN TRƯỞNG

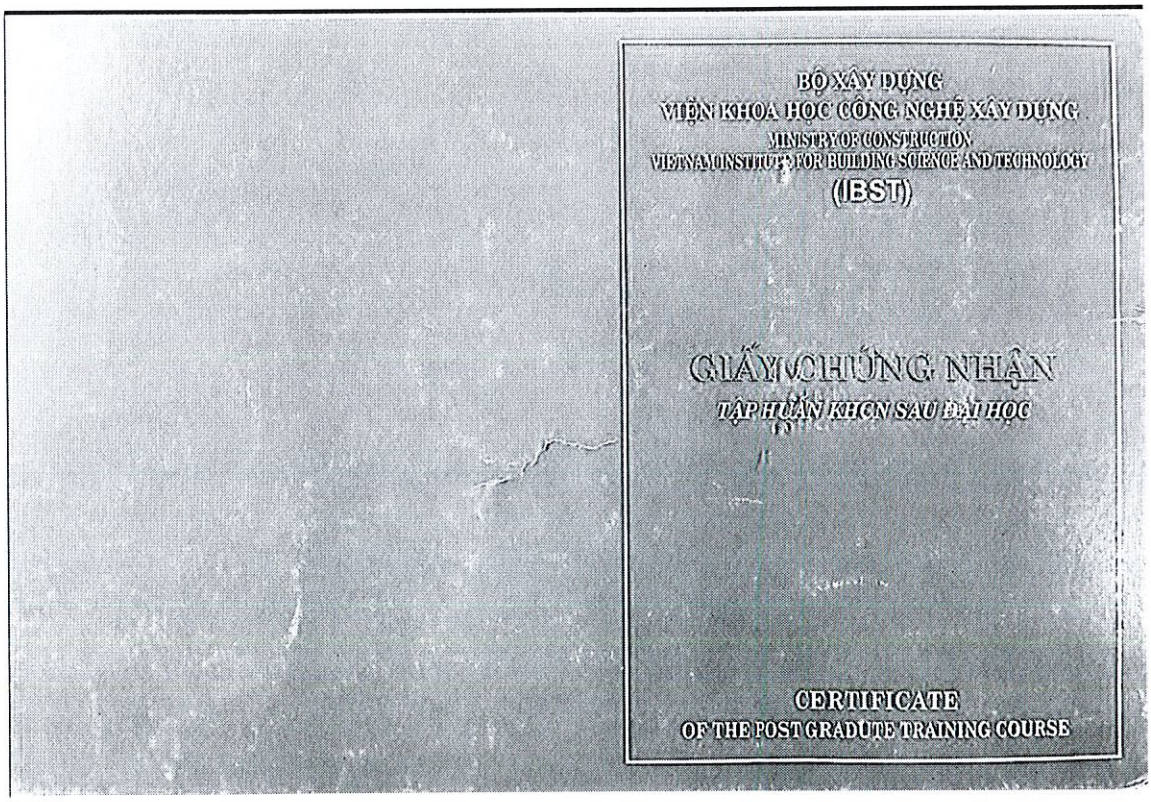
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

TS. Nguyễn Đại Minh

M.S.D.N: 1300587433 - C.T.T.N.H.H

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

P. TRÀ VINH - T. VĨNH LONG



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

MINISTRY OF CONSTRUCTION

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY

(IBST)

GIẤY CHỨNG NHẬN

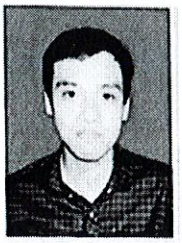
TẬP HUẤN KHCN SAU ĐẠI HỌC

CERTIFICATE

OF THE POST GRADUTE TRAINING COURSE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: *Hồ Ngọc Đảm*

Sinh ngày: *20/11/1992*

Đã hoàn thành chương trình: **Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng**

Từ ngày *04* tháng *07* năm *2016* đến ngày *20* tháng *09* năm *2016*

Xếp loại: *Trung Bình*

TP Hồ Chí Minh, *ngày 20 tháng 09 năm 2016*

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀNG KHÔNG

Ts. Nguyễn Văn Lý

Theo QĐ số 08 CNĐKHĐ_SLĐTBXH

Số hiệu: 02/K28 TNCNXD

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 01/AviaSTI

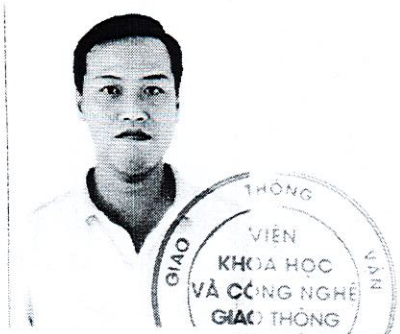
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ



(Chữ ký của người được cấp)

Cho ông/bà: *Hồ Ngọc Đảm*

Sinh ngày: *20/11/1992*

Nơi thường trú: *Long An*

Trình độ chuyên môn: ***Kỹ sư - CN Kỹ thuật xây dựng***

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: ***Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông***

Khóa : *159* Tổ chức : *07/11 - 17/11/2023*

Xếp loại: ***Khá***

Hà Nội , ngày 21 tháng 11 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Văn Tiến

Số: 30.159.23/VKHCN-TNV

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

UNIVERSITY OF TRANSPORT TECHNOLOGY



No:.....0098./...8939.../QĐ-ĐHCNGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHỨNG NHẬN

Cho Ông / Bà: .....Hồ Ngọc Đàm.....

Ngày sinh: .....20/11/1992.....

Nơi sinh:.....Tây Ninh.....

Đã hoàn thành chương trình đào tạo

Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn của cọc

Khóa học:....Tháng 09/2026

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TS. Nguyễn Văn Lâm

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/HĐLĐ-HV

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 05 năm 2023

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **TRỊNH QUANG DŨNG** Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Giám đốc công ty
Đại diện: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt Điện thoại: 075.3603839
Địa chỉ: Số 223A1, khu phố 1, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Và một bên là Ông/Bà: **Nguyễn Ngọc Quang** Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày *23* tháng *04* năm *1979* tại Tây Ninh
Nghề nghiệp: ***Cao đẳng CNTT***
Địa chỉ thường trú: Xuyên Mộc , TP BR-VT
Số CMTND: *077079001035* cấp ngày *22/11/2023* tại *CỤC CSQLHC vềTTXH*
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng không xác định thời hạn
- Từ ngày 22 tháng 05 năm 2023
- Địa điểm làm việc: Phòng thí nghiệm, Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt.
- Chức danh chuyên môn: ***Thí Nghiệm viên*** Chức vụ:
- Công việc phải làm:

+ Trực tiếp làm các thí nghiệm VLXD dưới sự quản lý điều hành của lãnh đạo công ty và Trưởng đơn vị phụ trách trực tiếp.

+ Phối hợp với các bộ phận khác trong công ty để phát huy hiệu quả công việc.

+ Những công việc khác theo yêu cầu của Công ty và theo lệnh của Giám đốc công ty, Trưởng các đơn vị phụ trách trực tiếp.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần hoặc theo thời gian làm việc của dự án, công trình.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc: Cần thiết theo yêu cầu của công việc
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định Bộ Luật Lao động năm 2012.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Cá nhân tự lo

+ Với những công trình, dự án ở xa Công ty sẽ bố trí phương tiện theo điều kiện cụ thể.

- Mức lương chính hoặc tiền công: Theo quy chế lương hiện hành và thu nhập hàng tháng được trả theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý của Công ty.
- Tiền thưởng: Theo quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty (áp dụng theo năm)
- Chế độ nâng lương: Theo quy chế bậc lương của Công ty
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:Quần, áo, giầy, mũ …
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, lễ tết...): Theo quy định của Luật lao động.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo chế độ của Công ty

- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp NV được cử đi đào tạo thì NV phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương; các quyền lợi khác như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Toàn bộ những việc phát sinh không được nêu trong hợp đồng phải được sự đồng ý của hai bên.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Trích nộp những khoản thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước;
- Tuyệt đối không sử dụng khách hàng của công ty để trục lợi cá nhân;
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc …)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng.
- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này nếu phát sinh thì áp dụng theo qui định của Luật Lao động.
- Hợp đồng lao động gồm 2 trang, được làm thành 03 bản có giá trị ngang nhau, người lao động giữ 01 bản, Công ty giữ 02 bản và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 03 năm 2019.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Quang	Trịnh Quang Dũng

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
TX. BÌNH MINH - T. VĨNH LONG

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



Cấp cho Ông/ Bà: NGUYỄN NGỌC QUANG

Sinh ngày: 23 - 04 - 1979

Quê quán: BÌNH DƯƠNG

Đã hoàn thành chương trình đào tạo ngắn hạn về:
Thí nghiệm viên công trình xây dựng

Thời gian tổ chức: *Tháng 06 năm 2010.*
Kết quả học tập đạt loại: Khá

(Chữ ký của người được cấp)

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
CHI NHÁNH CÔNG TY ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI

Đào Tùng Bách

Số: QĐ 06 – 0079/2010/TNV

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/HĐLĐ-HV

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 05 năm 2025

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **TRỊNH QUANG DŨNG** Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Giám đốc công ty
Đại diện: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt Điện thoại: 075.3603839
Địa chỉ: 148/1 Đường Nguyễn Ngọc Nhựt, khu phố 8, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long
Và một bên là Ông/Bà: **Nguyễn Dương Huyền Linh** Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày *29* tháng *04* năm *2003* tại Tây Ninh
Nghề nghiệp: ***Cao đẳng CNTT***
Địa chỉ thường trú: Xã Tân Trụ , tỉnh Tây Ninh
Số CMTND: ***0802030001156*** cấp ngày ***06/04/2021*** tại ***CỤC CSQLHC vềTTXH***
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng không xác định thời hạn
- Từ ngày 12 tháng 05 năm 2025
- Địa điểm làm việc: Phòng thí nghiệm, Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt.
- Chức danh chuyên môn: ***Thí Nghiệm viên*** Chức vụ:
- Công việc phải làm:

+ Trực tiếp làm các thí nghiệm VLXD dưới sự quản lý điều hành của lãnh đạo công ty và Trưởng đơn vị phụ trách trực tiếp.

+ Phối hợp với các bộ phận khác trong công ty để phát huy hiệu quả công việc.

+ Những công việc khác theo yêu cầu của Công ty và theo lệnh của Giám đốc công ty, Trưởng các đơn vị phụ trách trực tiếp.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần hoặc theo thời gian làm việc của dự án, công trình.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc: Cần thiết theo yêu cầu của công việc
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định Bộ Luật Lao động năm 2012.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Cá nhân tự lo

+ Với những công trình, dự án ở xa Công ty sẽ bố trí phương tiện theo điều kiện cụ thể.

- Mức lương chính hoặc tiền công: Theo quy chế lương hiện hành và thu nhập hàng tháng được trả theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý của Công ty.
- Tiền thưởng: Theo quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty (áp dụng theo năm)
- Chế độ nâng lương: Theo quy chế bậc lương của Công ty
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:Quần, áo, giầy, mũ …
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, lễ tết...): Theo quy định của Luật lao động.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo chế độ của Công ty

- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp NV được cử đi đào tạo thì NV phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương; các quyền lợi khác như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Toàn bộ những việc phát sinh không được nêu trong hợp đồng phải được sự đồng ý của hai bên.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Trích nộp những khoản thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước;
- Tuyệt đối không sử dụng khách hàng của công ty để trục lợi cá nhân;
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc ...)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng.
- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này nếu phát sinh thì áp dụng theo qui định của Luật Lao động.
- Hợp đồng lao động gồm 2 trang, được làm thành 03 bản có giá trị ngang nhau, người lao động giữ 01 bản, Công ty giữ 02 bản và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 03 năm 2019.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đồng Huyền Linh	Trịnh Quang Dũng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

FPT Education

FPT UNIVERSITY

THE RECTOR
OF FPT UNIVERSITY

has conferred

ADVANCED DIPLOMA

in Information Technology (software application)

and the title of practical bachelor

Upon: Nguyen Duong Huyen Linh

Date of birth: April 29th, 2003

Graduation grade: Merit

Hanoi, January 26th, 2024

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 2 8 5 3 7 Quyển 04 SCT/BS
Ngày: 29-04-2025
Công chứng viên

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1

Reg. No: CĐ242137

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)

và công nhận danh hiệu

Cử nhân thực hành

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
P. ... - T. VĨNH LONG

Cho: Nguyễn Dương Huyền Linh

Ngày sinh: 29/4/2003

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

Nguyễn Khắc Thành

Số hiệu: 027119

Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp: CĐ242137

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

UNIVERSITY OF TRANSPORT TECHNOLOGY



No: 1318 / 8941 /QĐ-ĐHCNGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHỨNG NHẬN

Cho Ông / Bà: Nguyễn Dương Huyền Linh

Ngày sinh: 29/04/2003

Nơi sinh: Tây Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo

Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình

Khóa học: Tháng 09/2026

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TS. Nguyễn Văn Lâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/HĐLĐ-HV

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 04 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **TRỊNH QUANG DŨNG** Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Giám đốc công ty
Đại diện: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt Điện thoại: 075.3603839
Địa chỉ: Số 223A1, khu phố 1, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Và một bên là Ông/Bà: **Lê Hoàng Châu** Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày ***16*** tháng ***04*** năm ***1999*** tại Phú Yên
Nghề nghiệp: ***Trung cấp điện***
Địa chỉ thường trú: Tây Hòa , tỉnh Phú Yên
Số CMTND: ***054099006992*** cấp ngày ***04/05/2024*** tại ***CỤC CSQLHC vềTTXH***
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng không xác định thời hạn
- Từ ngày 20 tháng 04 năm 2026
- Địa điểm làm việc: Phòng thí nghiệm, Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt.
- Chức danh chuyên môn: ***Thí Nghiệm viên*** Chức vụ:
- Công việc phải làm:

+ Trực tiếp làm các thí nghiệm VLXD dưới sự quản lý điều hành của lãnh đạo công ty và Trưởng đơn vị phụ trách trực tiếp.

+ Phối hợp với các bộ phận khác trong công ty để phát huy hiệu quả công việc.

+ Những công việc khác theo yêu cầu của Công ty và theo lệnh của Giám đốc công ty, Trưởng các đơn vị phụ trách trực tiếp.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần hoặc theo thời gian làm việc của dự án, công trình.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc: Cần thiết theo yêu cầu của công việc
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định Bộ Luật Lao động năm 2012.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Cá nhân tự lo

+ Với những công trình, dự án ở xa Công ty sẽ bố trí phương tiện theo điều kiện cụ thể.

- Mức lương chính hoặc tiền công: Theo quy chế lương hiện hành và thu nhập hàng tháng được trả theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý của Công ty.
- Tiền thưởng: Theo quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty (áp dụng theo năm)
- Chế độ nâng lương: Theo quy chế bậc lương của Công ty
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:Quần, áo, giầy, mũ …
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, lễ tết...): Theo quy định của Luật lao động.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo chế độ của Công ty

- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp NV được cử đi đào tạo thì NV phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương; các quyền lợi khác như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Toàn bộ những việc phát sinh không được nêu trong hợp đồng phải được sự đồng ý của hai bên.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Trích nộp những khoản thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước;
- Tuyệt đối không sử dụng khách hàng của công ty để trục lợi cá nhân;
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc ...)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng.
- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này nếu phát sinh thì áp dụng theo qui định của Luật Lao động.
- Hợp đồng lao động gồm 2 trang, được làm thành 03 bản có giá trị ngang nhau, người lao động giữ 01 bản, Công ty giữ 02 bản và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 03 năm 2019.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GIÁM ĐỐC
Lê Hoàng Châu	Trịnh Quang Dũng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 06 năm 2026

GIẤY CHỨNG NHẬN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

Chứng nhận : **Lê Hoàng Châu**

Ngày sinh : **16/04/1999**

Nơi sinh : **Tỉnh Phú Yên**

Học sinh lớp : **TC DT40A**

Ngành : **Điện tử công nghiệp**

Bậc : **Trung cấp**

Niên khóa : **40 (2017 – 2019)**

Đã tốt nghiệp chương trình bồi dưỡng văn hóa theo quyết định số 392/QĐ-CĐCT ngày 08/07/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương miền Trung.

Điểm trung bình:

Toán	Lý	Hóa	ĐTB
5,0	6,0	8,0	6,3

TL.HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

Trần Thị Nguyệt Cầm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

UNIVERSITY OF TRANSPORT TECHNOLOGY



No:.....0100./...8939.../QĐ-ĐHCNGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHỨNG NHẬN

Cho Ông / Bà: ..... Lê Hoàng Châu .....

Ngày sinh: ..... 16/04/1999 .....

Nơi sinh: ..... Đắk Lắk .....

Đã hoàn thành chương trình đào tạo

Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn của cọc

Khóa học:.... Tháng 09/2026

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Lâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. LE HOANG CHAU
Born on 16 April 1999

For successful completion of the training course entitled
Testing of Materials for Transportation Works
Held in July 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN

Ông LÊ HOÀNG CHÂU
Sinh 16 tháng 04 năm 1999

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn

Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông

Khóa tháng 7 năm 2026

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2026
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Bùi Phú Doanh

Số: 0464/TNVL2026-ĐHXDHN
Số vào sổ cấp chứng nhận: *2026/CN/1721*

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07/HĐLĐ-HV

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 03 năm 2026

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **TRỊNH QUANG DŨNG** Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Giám đốc công ty
Đại diện: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Việt Điện thoại: 075.3603839
Địa chỉ: Số 223A1, khu phố 1, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Và một bên là Ông/Bà: **Nguyễn Thành Luân** Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày ***28*** tháng ***01*** năm ***2001*** tại Bình Định
Nghề nghiệp: ***Cao đẳng vật liệu Xây dựng***
Địa chỉ thường trú: Phù Cát , tỉnh Bình Định
Số CMTND: ***052201006609*** cấp ngày ***22/03/2022*** tại ***CỤC CSQLHC vềTTXH***
Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng không xác định thời hạn
- Từ ngày 20 tháng 03 năm 2026
- Địa điểm làm việc: Phòng thí nghiệm, Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt.
- Chức danh chuyên môn: ***Thí Nghiệm viên*** Chức vụ:
- Công việc phải làm:

+ Trực tiếp làm các thí nghiệm VLXD dưới sự quản lý điều hành của lãnh đạo công ty và Trưởng đơn vị phụ trách trực tiếp.

+ Phối hợp với các bộ phận khác trong công ty để phát huy hiệu quả công việc.

+ Những công việc khác theo yêu cầu của Công ty và theo lệnh của Giám đốc công ty, Trưởng các đơn vị phụ trách trực tiếp.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần hoặc theo thời gian làm việc của dự án, công trình.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc: Cần thiết theo yêu cầu của công việc
- Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định Bộ Luật Lao động năm 2012.

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Cá nhân tự lo

+ Với những công trình, dự án ở xa Công ty sẽ bố trí phương tiện theo điều kiện cụ thể.

- Mức lương chính hoặc tiền công: Theo quy chế lương hiện hành và thu nhập hàng tháng được trả theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý của Công ty.
- Tiền thưởng: Theo quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty (áp dụng theo năm)
- Chế độ nâng lương: Theo quy chế bậc lương của Công ty
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:Quần, áo, giầy, mũ …
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, lễ tết...): Theo quy định của Luật lao động.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Theo chế độ của Công ty

- Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp NV được cử đi đào tạo thì NV phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương; các quyền lợi khác như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
- Những thỏa thuận khác: Toàn bộ những việc phát sinh không được nêu trong hợp đồng phải được sự đồng ý của hai bên.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động ...
- Trích nộp những khoản thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Nhà nước;
- Tuyệt đối không sử dụng khách hàng của công ty để trục lợi cá nhân;
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc …)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của Công ty.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng.
- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này nếu phát sinh thì áp dụng theo qui định của Luật Lao động.
- Hợp đồng lao động gồm 2 trang, được làm thành 03 bản có giá trị ngang nhau, người lao động giữ 01 bản, Công ty giữ 02 bản và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 03 năm 2019.

Hợp đồng này làm tại Văn phòng Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hưng Việt./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Luân	Trịnh Quang Dũng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. NGUYEN THANH LUAN
Born on 28 November 2001

For successful completion of the training course entitled
Testing of Materials for Transportation Works
Held in July 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông NGUYỄN THÀNH LUÂN
Sinh 28 tháng 11 năm 2001

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông
Khóa tháng 7 năm 2026

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2026
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Bùi Phú Danh

Số: 0527/TNVL2026-ĐHXDHN
Số vào sổ cấp chứng nhận: *2026/CN/1784*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

RECTOR
HO CHI MINH CITY COLLEGE
OF CONSTRUCTION

has conferred

ADVANCED DIPLOMA

in **Construction materials engineering**

and the title of PRACTICAL ENGINEER

Upon: NGUYEN THANH LUAN

Date of birth: 28 November 2001

Graduation grade: Pass

Hochiminh City, 20 September 2021

Reg. No: hecA-0922.1062

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng

và công nhận danh hiệu

KỸ SƯ THỰC HÀNH

Cho: NGUYỄN THÀNH LUÂN

Ngày sinh: 28/11/2001

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

TP.HCM, ngày 20 tháng 09 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

ThS. Nguyễn Bá Khiêm

Số hiệu: A 01321

Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp: hecA-0922.1062

M.S.D.N: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

UNIVERSITY OF
TRANSPORT
TECHNOLOGY



No:.....0099./...8939.../QĐ-ĐHCNGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHỨNG NHẬN

Cho Ông / Bà: .....Nguyễn Thành Luân.....

Ngày sinh: .....28/11/2001.....

Nơi sinh:.....Gia Lai.....

Đã hoàn thành chương trình đào tạo

Thí nghiệm hiện trường
kiểm tra độ toàn vẹn của cọc

Khóa học:....Tháng 09/2026

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TS. Nguyễn Văn Lâm

M.S.D.N.: 1300567433 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG VIỆT
P. AN HỘI - T. VĨNH LONG